

Bản án số: 09/2018/HS-PT

Ngày 05 - 02 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Đình Hiền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Biểu
Bà Vũ Thị Kim Anh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà Thư, là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Vũ Đức Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2018/TLPT-HS ngày 05/01/2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị Hằng N, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 60/2017/HS-ST ngày 23/11/2017 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Bị cáo bị kháng nghị:

Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1982 tại Phố R, huyện B, tỉnh Lào Cai; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân H1 và bà Hoàng Thị L; có chồng là anh Nguyễn Đình Q và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bắt tạm giam từ ngày 30/6/2017 đến ngày 21/7/2017 được thay bằng biện pháp bảo lãnh; bị cáo tại ngoại “có mặt”.

Người bị hại không kháng cáo, không bị kháng nghị:

Chị Đỗ Thị Thanh H, sinh năm 1980; trú tại: Thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu vay vốn để kinh doanh, nên khoảng giữa tháng 11/2015 chị Đỗ Thị Thanh H đến nhà Nguyễn Thị Hằng N để nhờ N làm thủ tục vay tiền ngân hàng và chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình chị H từ đất trồng cây lâu năm sang đất thổ cư. Mặc dù N không có điều kiện, khả năng và cũng không có mối quan hệ quen biết ai để làm giúp chị H vay tiền và chuyển mục đất sử dụng đất, nhưng do muốn chiếm đoạt tiền của chị H nên N đồng ý. N nói với chị H muốn vay được tiền thì phải mất chi phí để quan hệ làm giấy tờ. Ngoài ra N còn giao hẹn: Cứ vay được 100.000.000 đồng thì tiền công N được hưởng là 8.000.000 đồng, chị H tin tưởng N nói thật nên đồng ý. Sau đó vài ngày, N dùng điện thoại di động nhãn hiệu SamSungA3 của N gọi điện thông báo yêu cầu chị H phải đưa 24.000.000 đồng với lý do tiền bồi dưỡng để nhờ người giúp, chị H đồng ý. Ngày 24/11/2015, N sang nhà chị H lấy số tiền 24.000.000 đồng do chị H đưa. Sau khi nhận được tiền N đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Sau đó một thời gian, cũng với lý do như nêu ở trên, N tiếp tục yêu cầu chị H đưa 12.000.000 đồng, đến ngày 30/11/2015 N đến nhà chị H nhận của chị H 12.000.000 đồng và đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Tiếp đó, N bảo chị H phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ trồng cây lâu năm sang đất thổ cư thì mới vay ngân hàng được số tiền lớn. N nói với chị H để làm thủ tục chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì chị H phải đưa cho N số tiền 60.000.000 đồng để chi phí làm thủ tục, chị H tin tưởng N nói là thật nên đồng ý đưa tiền cho N. Ngày 14/12/2015 tại khu vực ngã ba đoạn đường gần nhà N ở thôn T, xã M, huyện V chị H đã đưa cho N nhận số tiền 60.000.000 đồng và N đã sử dụng cho cá nhân hết. Đến ngày 30/12/2015, N tiếp tục gọi điện thông báo yêu cầu chị H đưa cho N 5.000.000 đồng để đi chi phí xin đóng dấu ở Ủy ban nhân dân xã, cũng như các lần trước chị H vẫn tin tưởng N nói thật nên đồng ý. Buổi chiều ngày 30/12/2015, N đến nhà chị H lấy tiền và chị H đã đưa cho N số tiền 5.000.000 đồng, N nhận số tiền này về sử dụng hết.

Một thời gian sau do không thấy N lo xong việc mình đã nhờ, chị H đã ghi lại tất cả những lần đưa tiền cho N vào một tờ giấy và N ký nhận. Sau đó do chờ đợi lâu không thấy có kết quả, chị H đã nhiều lần đến hỏi và yêu cầu N trả lại tiền, nhưng N hứa hẹn và đưa ra nhiều lý do để trì hoãn việc trả lại tiền cho chị H. Đến ngày 22/4/2016 N mới trả lại cho chị H được 11.000.000 đồng, rồi N lại tiếp tục đưa ra nhiều lý do và không trả lại tiền cho chị H. Ngày 19/02/2017 chị H làm đơn trình báo gửi đến Công an huyện V, tỉnh Hưng Yên yêu cầu giải quyết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của N tại giấy biên nhận tiền do chị H giao nộp. Tại bản kết luận giám định số 135/PC54 ngày 13/4/2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận chữ ký và chữ viết tại giấy biên nhận tiền do Nguyễn Thị Hằng N viết và ký.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Thị Hằng N đã khắc phục hậu quả trả lại cho chị H thêm 20.000.000 đồng. Chị H yêu cầu N phải trả số tiền gốc còn thiếu là

50.000.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền lãi chị H phải trả cho số tiền vay đưa cho N.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 60/2017/HS-ST ngày 23/11/2017, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Hằng N phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60; khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 579, Điều 589, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Hằng N 02 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên có Quyết định số 01/QĐ-VKS-KNPT kháng nghị phúc thẩm Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2017/HS-ST ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên; đề nghị áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 và tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Hằng N.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị cáo N tiếp tục nhận tội, xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội; bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội đã gây ra, tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để sinh con và nuôi con, đồng thời có điều kiện lao động kiếm tiền bồi thường đầy đủ số tiền theo bản án đã quyết định để trả chị H, và bị cáo N khai tính đến ngày xét xử phúc thẩm bị cáo cũng đã trả thêm chị H được một số tiền theo thống nhất với chị H là mỗi tháng bị cáo trả 5.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm: Giữ nguyên quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐ-VKS-KNPT ngày 19/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên. Bị cáo N trong thời gian tháng 11, tháng 12 năm 2015 đã 4 lần đưa ra thông tin không có thật nhưng làm cho chị H tin là thật và đã 04 lần chị H đưa cho N chiếm đoạt tổng số tiền 101.000.000 đồng (lần ít nhất là 5.000.000 đồng, lần nhiều nhất là 60.000.000 đồng), mà mỗi lần đều đủ dấu hiệu cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm đối với bị cáo N tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội nhiều lần”, theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 và tăng hình phạt của bị cáo N từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù (tăng thêm so với bản án sơ thẩm từ 03 đến 06 tháng tù), nhưng cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện sinh con và nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên trong thời hạn luật quy định là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị Hằng N tiếp tục thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của bị cáo N hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; đồng thời phù hợp với lời khai của người bị hại, giấy biên nhận nhận tiền, kết luận giám định chữ ký và chữ viết của bị cáo N trong giấy biên nhận tiền của chị H và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 24/11/2015 đến ngày 30/12/2015, Nguyễn Thị Hằng N đã có 04 lần đưa ra các thông tin giả dối như: Chi phí bồi dưỡng nhờ vay tiền, làm được thủ tục vay tiền ngân hàng với số lượng lớn, làm được thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở thổ cư, xin đóng dấu làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất cho chị Đỗ Thị Thanh H; thông tin của bị cáo đưa ra làm cho chị Đỗ Thị Thanh H tin tưởng là thật và bị cáo N đã 04 lần yêu cầu chị H đưa tiền để làm các thủ tục theo thông tin giả bị cáo đưa ra và đã chiếm đoạt được của chị H tổng số tiền là 101.000.000 đồng để sử dụng cho mục đích cá nhân. Bởi hành vi nêu trên, bị cáo Nguyễn Thị Hằng N đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử kết Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét thấy:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Tự nguyện bồi thường thiệt hại, khai báo thành khẩn, bị cáo đang có thai để áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 và phạt bị cáo N mức án 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ ngày 24/11/2015 đến ngày 30/12/2015, Nguyễn Thị Hằng N đã 04 lần dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của chị Đỗ Thị Thanh H từng lần cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 24/11/2015 chiếm đoạt 24.000.000 đồng;
- Lần hai: Ngày 30/11/2015 chiếm đoạt 12.000.000 đồng;
- Lần ba: Ngày 14/12/2015 chiếm đoạt 60.000.000 đồng;
- Lần bốn: Ngày 30/12/2015 chiếm đoạt 5.000.000 đồng

Tổng cộng 04 lần bị cáo N đã chiếm được của chị H là 101.000.000 đồng, nhưng mỗi chiếm đoạt tài sản riêng biệt của bị cáo đều có đủ dấu hiệu cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định các lần chiếm đoạt tài sản của bị cáo N đã được cộng lại và xét xử theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 nên không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần

là chưa đầy đủ, bỏ sót tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo N. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên kháng nghị yêu cầu áp dụng cho bị cáo N tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhiều lần” theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 là có căn cứ. Do bị cáo Nga phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đề nghị tăng mức hình phạt cho bị cáo Nga là có căn cứ. Do vậy, yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên được chấp nhận để sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng: Áp dụng thêm cho bị cáo N tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội nhiều lần” theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 và tăng mức hình phạt của bị cáo N thêm 03 tháng tù. Tuy nhiên, xét bị cáo N là phụ nữ, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, bản thân đang có thai gần đến ngày sinh con (kết quả siêu âm ngày 19/11/2017 dự kiến bị cáo N sinh con vào ngày 18/3/2018), nên tiếp tục cho bị cáo được hưởng án treo, giao cho gia đình và chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo vẫn đảm bảo tính nghiêm minh, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Bị cáo Nguyễn Thị Hằng N không kháng cáo, bị kháng nghị và sửa bản án sơ thẩm, nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên; sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 60/2017/HS-ST ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Hằng N phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hằng N 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/11/2017.

Giao Nguyễn Thị Hằng N cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Hằng N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hưng Yên;
- Công an huyện V;
- VKSND huyện V;
- TAND huyện V;
- Bị cáo N;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HC; VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Hiền

